

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả rà soát TTHC trọng tâm năm 2022

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022, UBND tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát TTHC năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt công tác rà soát TTHC trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác rà soát, đánh giá TTHC (Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 24/01/2022); xác định và phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát 10 TTHC nhằm kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC; kiến nghị đơn giản hóa TTHC nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

Kết quả rà soát theo Kế hoạch thì tổng số TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa của tỉnh Gia Lai là 08/10 TTHC¹. Ngoài 10 TTHC nằm trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh trong quá trình thực hiện, giải quyết TTHC các đơn vị, địa phương đã phát hiện quy định TTHC còn vướng mắc, bắt cập đã tiến hành rà soát thêm 03 TTHC². Do đó, tổng số TTHC kiến nghị phương án đơn giản

¹ 02/10 TTHC không có kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC cụ thể:

- Thủ tục “Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án” do Ban Quản lý Khu Kinh tế chủ trì thực hiện, đơn vị chưa tính được chi phí tuân thủ TTHC.

- Thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng” do UBND huyện Krông Pa chủ trì thực hiện rà soát, tuy nhiên nội dung rà soát trùng với nội dung đã đăng ký tại báo cáo rà soát TTHC trọng tâm năm 2021.

² - Thủ tục “Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II” do Sở Xây dựng chủ trì thực hiện rà soát.

- Thủ tục “Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn đối với trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ ba)” do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện rà soát.

- Thủ tục “Bổ nhiệm công chứng viên” do Sở Tư pháp chủ trì thực hiện rà soát.

hóa là 11 TTHC (*biểu mẫu rà soát chi tiết tại phụ lục kèm theo*), với lợi ích tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 90.839.000 đồng/năm và tỉ lệ cắt giảm chi phí 8.03%, cụ thể như sau:

1. Thủ tục Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp (đối với người Việt Nam)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân*”.

Lý do: Hiện nay, đang triển khai Đề án số 06/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, việc quy định thành phần hồ sơ Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân là không cần thiết vì công dân có chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân thì thông tin đã được cập nhật đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Do đó, công dân chỉ cần khai, cập nhật trong “Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép lái xe” thì công chức tiếp nhận, giải quyết TTHC có thể tra cứu thông tin cụ thể của công dân đó, không cần phải nộp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân*”.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.735.862.200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.699.311.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 36.551.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1%.

2. Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn đối với trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ ba)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao y bản chính tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố*”.

Lý do: Thành phần hồ sơ nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ khi thẩm định hồ sơ có thể tra cứu trên Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tra cứu

trên Trang thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc Thư viện pháp luật hoặc Trang thông tin Điện thông báo hoặc Hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và hệ thống quản lý thông tin tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hoá (Trang thông tin TBT) của tỉnh Gia Lai.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao y bản chính tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố*”.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.119.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 933.100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 186.620 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 16.7%.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”.

Lý do: Để đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cơ quan nhà nước tra cứu thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, các thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã tích hợp thông tin trong bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.785.920 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.359.360 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 426.560 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm: 2.7%.

4. Thủ tục Đóng cửa mỏ khoáng sản

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt*”.

Lý do: Việc nộp “*Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt*” là không cần thiết vì Sở Tài nguyên và Môi trường đã lưu trữ thành phần này.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản theo đó: *Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt”.*

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 142.212.720 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 133.372.400 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 8.840.320 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm: 6.2%.

5. Thủ tục Cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền*”.

Lý do: Vì tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân trên địa bàn tỉnh đề nghị Sở cấp phép chủ yếu nhằm mục đích tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không có các nội dung thuộc bí mật nhà nước, những nội dung vi phạm các quy định của pháp luật. Nên việc xin ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm cho kéo dài thời gian chuẩn bị hồ sơ, tăng chi phí khi thực hiện thủ tục.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản theo đó: *Cắt giảm thành phần hồ sơ “Tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền”.*

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 235.628.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 232.962.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.666.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1.1%.

6. Thủ tục Bổ nhiệm công chứng viên

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao bằng cử nhân luật*”.

Lý do: Khoản 1 Điều 9 Luật Công chứng năm 2014 quy định: “*người có bằng cử nhân luật được tham dự khóa đào tạo nghề công chứng tại cơ sở đào tạo nghề công chứng*”, do đó người hoàn thành khóa đào tạo nghề công chứng đương nhiên là cử nhân luật. Sau khi kết thúc khóa đào tạo, công dân sẽ tập sự hành nghề công chứng, thành phần hồ sơ hành nghề công chứng có cung cấp bản sao bằng cử nhân luật. Tiếp đến là tham gia kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, lần này công dân tiếp tục cung cấp bản sao bằng cử nhân luật. Đồng thời, để được xem xét bổ nhiệm công chứng viên thì công dân phải đạt kết quả tập sự hành nghề công chứng. Vì thành phần bản sao bằng cử nhân luật phải nộp rất nhiều lần do đó khi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, việc cung cấp “*Bản sao bằng cử nhân luật*” là thừa, không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Công chứng năm 2014 theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao bằng cử nhân luật*”.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.564.920 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.469.940 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 94.980 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 6.1%.

7. Thủ tục Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Văn bằng do cơ sở đào tạo tại hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp*”.

Lý do: Việc nộp “*Văn bằng do cơ sở đào tạo tại hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp*” là không cần thiết vì Sở Xây dựng đã lưu trữ thành phần này.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại điểm c, h khoản 1 Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp*”.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.438.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 53.940.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 9.498.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 15%.

8. Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được năm 2016) theo hình thức xét hồ sơ

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu*”.

Lý do: Hiện nay, đang triển khai Đề án số 06/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do đó, cán bộ tư pháp có thể khai thác thông tin của tổ chức, cá nhân trên Cơ sở dữ liệu dân cư để cấp giấy lý lịch tư pháp nên thông tin của căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của công dân được thể hiện đầy đủ trong giấy lý lịch tư pháp. Vì vậy, yêu cầu thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu*” là không cần thiết.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 24 Luật Được năm 2016 theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu*”

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 290.095.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 284.460.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.635.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1.9%.

9. Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân*”.

Lý do: Mẫu số 09 Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đã yêu cầu kê khai đầy đủ thông tin cá nhân về chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ bổ sung Điều 35d Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân*”.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.466.300 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.199.700 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 266.600 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm: 18.2%.

10. Thủ tục Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân*”.

Lý do: Tờ khai đăng ký thành lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đã yêu cầu kê khai đầy đủ thông tin cá nhân về chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 6 Điều 15 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ theo đó: Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân*”

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 617.180 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 563.860 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 53.320 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm: 8.6%.

11. Thủ tục Đăng ký khai sinh (trường hợp không có giấy chứng sinh, không có người làm chứng)

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung: Thành phần hồ sơ “*Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh*”.

Lý do: Trong tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định đã có nội dung cam đoan về việc sinh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình nên không cần thiết có giấy cam đoan về việc sinh trong trường hợp không có Giấy chứng sinh, không có người làm chứng (trên thực tế, giải quyết hồ sơ TTHC này đang gây khó khăn cho cả công chức tư pháp - hộ tịch và người dân khi đi đăng ký khai sinh vì đã thực hiện lời cam đoan 02 lần).

11.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 theo đó: *Cắt giảm thành phần hồ sơ “Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh” trong trường hợp không có giấy chứng sinh.*

11.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 249.940.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 221.280.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 26.660.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm: 10.8%.

II. NHẬN XÉT

Nhìn chung, công tác rà soát, đánh giá quy định TTHC năm 2022 được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai, thực hiện khẩn trương, nghiêm túc và theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Các phương án, sáng kiến đơn giản hóa tập trung vào những nội dung: Kiến nghị bãi bỏ, cắt giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết, gây phiền hà, tốn kém, mất nhiều thời gian thực hiện của cá nhân, tổ chức.

III. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải:

Bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân*” được quy định tại khoản 3 Điều 38 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ được sửa đổi tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:

Bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao y bản chính tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

4. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Đề xuất Chính phủ xem xét bỏ thành phần hồ sơ “*Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

5. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Đề xuất Chính phủ xem xét:

+ Bỏ thành phần hồ sơ “*Tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền*” được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

+ Bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân*” được quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ bổ sung Điều 35d Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp:

- Đề xuất Chính phủ báo cáo, trình Quốc hội xem xét:

+ Bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao bằng cử nhân luật*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Công chứng năm 2014.

+ Bỏ thành phần hồ sơ “*Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh*” được quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội.

7. Đề nghị Bộ Xây dựng:

Đề xuất Chính phủ xem xét bỏ thành phần hồ sơ “*Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp*” được quy định tại điểm c, h Khoản 1 Điều 76 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

8. Đề nghị Bộ Y tế:

Đề xuất Bộ Y tế báo cáo, trình Quốc hội xem xét bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu*” được quy định tại khoản 6 Điều 24 Luật Dược năm 2016.

9. Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:

Đề xuất Chính phủ xem xét bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân*” được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 15 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát TTHC trọng tâm năm 2022; UBND tỉnh Gia Lai trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Y tế;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, HCQT, NC.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Văn Lộc